

Số: 01/2019/QĐST- HNGĐ

*Đan Phượng, ngày 24 tháng 6 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Trần Thị Thu

***Thư ký phiên họp:*** Ông Nguyễn Trí Tuấn - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên họp:***  
Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 31/2019/TLST - DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Phùng Thị Ph, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Phương Mạc, xã Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Vũ Văn H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Bản Nà Dòn, xã Ch, huyện B, tỉnh Sơn La (Có đơn đề nghị vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Đ; Địa chỉ trụ sở: Xã Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Kh – Phó chủ tịch UBND xã Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn Phương Mạc, xã Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

\* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và quá trình tham gia tố tụng tại

tòa án bà Phùng Thị Ph trình bày: Bà và ông Vũ Văn H được hai bên gia đình quyết định tổ chức đám cưới vào khoảng giữa tháng 11/1999 âm lịch. Tại thời điểm đó, bà và ông H đều đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã Phương Đình để đăng ký kết hôn. Chữ viết tại phần vợ, chồng và các chữ viết trong giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển 1, ngày 10/12/1999 hoàn toàn không phải là chữ ký của bà. Sau ngày cưới thì bà và ông H có về quê nhà ông H ở xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây (Thành phố Hà Nội) sinh sống vài ngày và chuyển về thôn Phương Mạc, xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội sinh sống. Bà và ông H chỉ chung sống với nhau được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, bà cưới ông H không được theo nguyện vọng của bà. Sau đó, ông H bỏ đi thì bà phát hiện mang thai chị M. Ông H thỉnh thoảng về thăm bà nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung. Khi bà sinh chị M thì ông H có đến thăm và nghe tin sinh con gái, ông H bỏ đi luôn từ đó cho đến nay. Kể từ đó bà và ông H không gặp và liên lạc gì với nhau. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không có, đám cưới được tổ chức với ông H không theo nguyện vọng của bà, thủ tục đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Phương Đình tự đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Bà đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông H.

Về con: Bà và ông H có 01 con tên là chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2000. Lý do bà khai sinh cho chị M không mang họ của bà cũng như họ của ông H là do ông H bỏ mặc không quan tâm đến bà nên bà đã khai sinh cho chị M theo họ Ng. Chị M đã trưởng thành tự lao động chăm sóc, phục vụ bản thân nên bà không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng. Ông H không thừa nhận chị M là con thì bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ: Không có.

\* Tại biên bản lấy lời khai ông Vũ Văn H trình bày: Ông chung sống cùng bà Ph vào tháng 12/1999, có tổ chức vài mâm cơm nhưng không đăng ký kết hôn. Ông có đưa cho bà Ph một tờ giấy giới thiệu của Ủy ban nhân dân xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Ông chưa hề đến Ủy ban nhân dân xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (Thành phố Hà Nội) đăng ký kết hôn nên không có chữ ký, chữ viết trong giấy chứng nhận kết hôn. Sau ngày cưới, ông và bà Ph chỉ chung sống cùng nhau được khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nên ông chuyển về huyện B và sau đó chuyển hẳn về tỉnh Sơn La sinh sống cho đến nay. Bà Ph yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ông không cung cấp được chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu của bà Phụng.

Về con: Ông và bà Ph không có con chung vì khi bà Ph mang thai không thông báo cho ông biết. Chị M khai sinh không mang họ ông và họ của bà Ph nên ông không thừa nhận chị M là con.

Về tài sản chung, nợ: Không có.

\* Tại Công văn số 26/CV- UBND ngày 06/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã Ph trình bày: Toàn bộ chữ viết trong giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/12/1999 do bà Ph cung cấp tại Tòa án nêu trên là chữ viết của cán bộ Tư pháp trừ phần ký và xác nhận của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Tại thời điểm đăng ký kết hôn thì ông H, bà Ph đều không có mặt. Thủ tục đăng ký kết hôn không theo quy định của pháp luật. Bà Ph yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu của bà Ph theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai chị M trình bày: Chị sinh ra và lớn lên đều sinh sống cùng mẹ đẻ là bà Phùng Thị Ph. Chị có nghe bà Ph kể bố đẻ chị tên là Vũ Văn H sinh sống tại xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Chị chưa hề gặp mặt ông H nhưng bố đẻ ông H và các em ông H có liên lạc, cho chị quà. Ông H có gọi điện cho chị nhưng do chị giận ông H nên chị không nghe máy. Bà Ph yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Ph và ông H, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị đã trưởng thành, có việc làm và thu nhập đảm bảo bản thân. Ông H không nhận chị là con thì chị không có ý kiến gì, chị từ chối giám định ghen; trường hợp có yêu cầu thì chị đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên họp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và tại phiên họp tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Về nội dung: Việc bà Phùng Thị Ph yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ nên yêu cầu của bà Ph được chấp nhận. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Phùng Thị Ph phải nộp lệ phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy, bà Ph và ông H được Ủy ban nhân dân xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 10/12/1999. Bà Ph yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà với ông Vũ Văn H. Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý yêu cầu của bà Ph là phù hợp với Điều 29, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự: Ông H, chị M, đại diện Ủy ban nhân dân xã Ph đều có lời trình bày và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt ông H, chị M, đại diện Ủy ban nhân dân xã Ph là có căn cứ.

[2]. Xét yêu cầu của bà Ph đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp giữa bà với ông Vũ Văn H.

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 10/12/1999 do đương sự cung cấp, tài liệu liên quan lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Ph và lời khai của các đương sự

đều xác nhận: Ông H, bà Ph chưa hề đến Ủy ban nhân dân xã Ph thực hiện đăng ký kết hôn; toàn bộ chữ viết trong giấy chứng nhận kết hôn và sổ đăng ký kết hôn đều không phải chữ của ông H, bà Ph. Toàn bộ chữ viết trong giấy chứng nhận kết hôn đều do một người tự viết trừ phần xác nhận của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Mặt khác bà Ph cho rằng gia đình tổ chức đám cưới cho bà với ông H không theo nguyện vọng của bà nên vợ chồng chỉ chung sống với nhau được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Ông H bỏ đi từ đó cho đến nay và không quan tâm gì đến bà. Từ phân tích trên thì bà Ph và ông H có chung sống cùng nhau, đăng ký kết hôn nhưng vi phạm Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Do vậy, yêu cầu của bà Ph có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về con: Chị Nguyễn Thị M đã trưởng thành. Bà Ph, ông H, chị M đều không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ: Không có.

[5]. Về lệ phí việc dân sự: Bà Phùng Thị Ph phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 29, 39, 361, 370, 371, 372 và Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị Ph. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Phùng Thị Ph và ông Vũ Văn H.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển 1 ngày 10/12/1999 của Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

2. Về con: Chị Nguyễn Thị M đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ: Không có.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Phùng Thị Ph phải chịu 300.000 đồng lệ phí được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010318 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Phùng Thị Ph có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Ông Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị M, Ủy ban nhân dân xã Ph có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Trần Thị Thu**